**ÔN TẬP GIỮA KÌ II-ĐỊA LÍ 8- 2021-2022**

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM** (4,0 điểm)

**Chọn đáp án đúng (chữ cái đầu câu ) ghi vào bài làm.**

**1. Nếu mỗi múi giờ cách nhau 15 kinh tuyến .Vậy quần đảo Trường Sa của nước ta nằm ở 1200Đ thì ở múi giờ thứ**

A. 6 . B. 7 . C. 8 . D. 9 .

**2. Việt Nam gia nhập hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) vào năm**

A. 1967 . B. 1995. C. 1997 . D . 1999 .

**3 *.* Vùng biển Việt Nam rộng khoảng 1 triệu km2 là**

A. biển Đông. B. một bộ phận của Ấn Độ Dương.

C. một bộ phận của vịnh Thái Lan. D. một bộ phận của biển Đông.

**4.Năm 2019 dân số khu vực Đông Nam Á là 666,5 triệu người và dân số của Việt Nam là  96.9 triệu người. Vậy dân số Việt Nam chiếm**

A. 1,48% dân số khu vực Đông Nam Á.

B. 14,5% dân số khu vực Đông Nam Á.

C. 148% dân số khu vực Đông Nam Á.

D. 148,8% dân số khu vực Đông Nam Á.

**5. Nơi hẹp nhất của Việt Nam thuộc tỉnh**

A. Quảng Bình. B. Quảng Trị. C.Thừa Thiên Huế. D. Quảng Nam.

**6. Vịnh biển nào của Việt Nam được UNESSCO công nhận là di sản thiên nhiên thế giới?**

A.Vịnh Nha Trang. B.Vịnh Vân Phong. C.Vịnh Hạ Long. D.Vịnh Cam Ranh.

**7. Vị trí nằm trong khu vực nội chí tuyến đã làm cho khí hậu nước ta có đặc điểm nào sau đây ?**

A. Nóng quanh năm. B. Khô, mát quanh năm. C. Nóng, ẩm quanh năm.

**8. Việt Nam có chung đường biên giới trên đất liền với**

A. Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia. B. Cam-pu-chia, Thái Lan, Trung Quốc.

C. Lào, Cam-pu-chia, Thái Lan. D. Trung Quốc, Lào, Thái Lan.

**9. Lãnh thổ Việt Nam trải dài trên bao nhiêu vĩ độ?**

A. 14 vĩ độ. B. 15 vĩ độ. C. 16 vĩ độ. D. 17 vĩ độ.

**10. Vùng biển của Việt Nam là một phần của biển:**

A. Biển Hoa Đông B. Biển Đông C. Biển Xu-Lu D. Biển Gia-va

**11. Vùng biển của Việt Nam thông qua hai đại dương lớn nào**

A. Thái Bình Dương và Bắc Băng Dương B. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương

C. Ấn Độ Dương và Đại Tây Dương D. Đại Tây Dương và Thái Bình Dương

**12. Đâu không phải là đặc điểm của địa hình đồi núi của nước ta:**

A. Núi cao trên 2000m chỉ chiếm 1% diện tích lãnh thổ.

B. Địa hình thấp dưới 1000m chiếm 85% diện tích lãnh thổ.

C. Địa hình thấp dưới 500m chiếm 70% diện tích lãnh thổ.

D. Địa hình dưới 2000m chiếm khoảng 35% diện tích lãnh thổ.

**13. Địa hình nước ta có hướng chủ yếu:**

A. Tây Bắc - Đông Nam và vòng cung B. Tây Đông.

C. Tây Bắc - Đông Nam. D. Vòng cung.

**14. Khối núi cao nhất ở Việt Nam là:**

A. Pu Si Cung B. Pu Tha Ca.

C. Phan-xi-păng. D. Tây Côn Lĩnh.

**15. Hãy nối các ý ở cột A ( Điểm cực ) với các ý ở cột B ( Địa danh) cho đúng :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***A - Điểm cực*** | ***B – Địa danh hành chính*** | ***Đáp án*** |
| **1. Bắc** | **a. Điện Biên** | **1 nối với…** |
| **2. Nam** | **b. Cà Mau** | **2 nối với…** |
| **3. Tây** | **c. Lai Châu** | **3 nối với …** |
| **4. Đông** | **d. Hà Giang** | **4 nối với …** |
|  | **e. Khánh Hòa** |  |

**II. TỰ LUẬN:(6 điểm)**

**Câu 1. (3,0 điểm)**

Dựa vào bản đồ tự nhiên Việt Nam ( trong Alat địa lí Việt Nam hoặc tập bản đồ Địa lí 8).

a, Hãy xác định và ghi vĩ độ, địa danh hành chính các điểm cực phần đất liền Việt Nam.

b, Vị trí địa lí nước ta có những thuận lợi và khó khăn gì về mặt tự nhiên, kinh tế - xã hội?

c, Là học sinh, em sẽ làm gì để góp sức mình vào cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền biên giới, biển, đảo hiện nay?

**a, Các điểm cực phần đất liền Việt Nam.**

- Điểm cực Bắc : Thuộc tỉnh Hà Giang.

Toạ độ: Vĩ độ: 23°22'59"B - Kinh độ: 105°20'20"Đ.

- Điểm cực nam: Thuộc tỉnh Cà Mau nằm ở xã Viên An, huyện Ngọc Hiển.

Toạ độ: độ vĩ 8°30' Bắc - 104°40' Đ

## - Điểm cực Tây : nằm ở A Pa Chải thuộc tỉnh Điện Biên.

## Toạ độ: 22°25'49"B- 102°11'3" Đ

- Điểm cực Đông : ở Mũi Đôi thuộc tỉnh Khánh Hoà.

Toạ độ: 12°39'21"B 109°27'39"Đ.

**b, Vị trí địa lí nước ta có những thuận lợi và khó khăn:**

**\* Thuận lợi :**

- Nước ta nằm trong miền nhiệt đới gió mùa, tài nguyên thiên nhiên đa dạng, phong phú tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế toàn diện (nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ… )

- Việt Nam có thể hội nhập và giao lưu dễ dàng với các nước Đông Nam Á và thế giới trong xu hướng quốc tế hóa và toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới .

**\* Khó khăn :**

**-** Phải luôn chú ý bảo vệ đất nước, chống thiên tai (bão, lụt, hạn hán, cháy rừng, sóng biển …) và chống ngoại xâm (xâm chiếm đất đai, hải đảo, xâm phạm vùng biển, vùng trời của Tổ quốc)

c**, Là một học sinh, em cần phải làm các công việc để góp sức vào cuộc đấu tranh bảo vệ quyền Biên giới, Biển, Đảo:**

**Câu 2.**

a, Dựa vào bản đồ tự nhiên VN ( trong Alat địa lí VN) hãy tìm tên các đảo, quàn đảo lớn ở nước ta theo thứ tự từ bắc đến Nam (nêu đia danh hành chính mỗi đảo)

b, Bằng kiến thức thực tế, em hãy cho biết biển đã đem lại những thuận lợi và khó khăn gì đối với nhân dân ta. Em có đề ra giải pháp gì đề hạn chế những khó khăn đó?

a,.

**b, Biển nước ta đem lại những thuận lợi và khó khăn gì đối với kinh tế và đời sống của nước ta, giải pháp gì đề hạn chế:**

**\*Thuận lợi**: Vùng biển nước ta nhiều tài nguyên khoáng sản thuận lợi cho sự phát triển nhiều ngành kinh tế :

+ Khoáng sản có nhiều dầu khí, ti tan,muối thuận lợi phát triển ngành công nghiệp khai thác và chế biến nguyên liệu, nhiên liệu.

+ Hải sản phong phú :cá, tôm, cua, rong biển…thuận lợi phát triển ngành công nghiệp khai thác và chế biến thuỷ sản.

+ Mặt biển có các tuyến đường giao thông trong và ngoài nước thuận lợi phát triển giao thông hàng hải.

+ Nhiều phong cảnh đẹp, bãi tắm đẹp (Vịnh Hạ Long, Cát Bà, Đồ Sơn, Mũi Né, Nha Trang…) thuận lợi phát triển ngành du lịch biển ...

**\*Khó khăn:**

- Thiên tai thường xuyên xảy ra: bão, sóng lớn , triều cường ….

- Nguồn lợi thuỷ sản có chiều hướng giảm sút . Môi trường một số vùng biển ven bờ bị ô nhiễm do chất thải dầu khí và sinh hoạt

**\* Giải pháp khắc phục:**

**Câu 3; (3,0 điểm). Cho bảng số liệu sau:**

Sản lượng khai thác dầu thô, than sạch của nước ta qua các năm

(Đơn vị: Triệu tấn)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2005** | **2009** | **2011** |
| Dầu thô | 18,5 | 16,4 | 15,2 |
| Than sạch | 34,1 | 44,1 | 45,8 |

*(Nguồn: Tổng cục Thống kê, Hà Nội, 2012)*

1. Vẽ biểu đồ hình cột thể hiện sản lượng khai thác dầu thô, than sạch của nước ta qua các năm.  
   b) Nhận xét sản lượng khai thác dầu thô, than sạch của nước ta qua các năm.

a, **Vẽ biểu đồ**:

Vẽ đúng và đẹp, có chú thích, ghi tên biểu đồ.

b) Nhận xét

Giai đoạn 2005 – 2011:  
– Sản lượng dầu thô có xu hướng ngày càng giảm từ 18,5 triệu tấn (năm 2005) xuống còn 15,2 triệu tấn (năm 2011), giảm 3,3 triệu tấn.  
– Sản lượng than sạch liên tục tăng từ 34,1 triệu tấn (năm 2005) lên 45,8 triệu tấn (năm 2011), tăng 11,7 triệu tấn (tăng gấp 1,34 lần).  
– Sản lượng than sạch luôn lớn hơn sản lượng dầu thô qua các năm.

**Câu 4.** **(3,0 điểm)**

Cho bảng số liệuvề thu nhập quốc dân bình quân đầu người của các nước Đông Nam Á (ASEAN) năm 2014.

*(Đơn vị: USD)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nước** | **Thu nhập quốc dân/người** |
| Bru-nây | 40525 |
| Cam-pu-chia | 1040 |
| In-đô-nê-xi-a | 3385 |
| Lào | 1669 |
| Ma-lai-xi-a | 10551 |
| Mi-an-ma | 1243 |
| Phi-lip-pin | 3444 |
| Xin-ga-po | 54224 |
| Thái Lan | 5648 |
| Đông Ti-mo | 2494 |
| Việt Nam | 1916 |

*(Theo bảng số liệu bổ sung 2015)*

Vẽ biểu đồ cột và nhận xét GDP/người của các nước Đông Nam Á (ASEAN) năm 2014.

\* **Vẽ biểu đồ**:

Vẽ đúng và đẹp, có chú thích, ghi tên biểu đồ.

\* **Nhận xét**:

Nhận xét:  GDP/người chênh lệch lớn giữa các quốc gia

+ Nước có GDP/người lớn nhất là Xin-ga-po (54224 USD/người), gấp nước có bình quân GDP/người thấp nhất là Cam-pu-chia (1040 USD/người) tới 74 lần.

+ Sau Xin-ga-po là Bru-nây  (40525 GDP/người), Ma-lai-xia-a (10551 USD/người) , Thái Lan (54224 USD/người)

+ Các nước còn lại có GDP/người < 2000 USD là: Cam-pu-chia, In-đô-nê-xi-a, Lào, Phi-lip-pin, Việt Nam).

**Hết**